

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2025

V/v: *Kiến xin ly hôn, chia tài sản
chung, nợ chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngu và bà Triệu Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 và ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân khu vực 4-Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lý Duy H, sinh năm 1980 (có mặt)

Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1986 (có mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: TDP Lê Hồng P, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nay là TDP L, xã P, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lý Duy B, sinh năm 1956 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1956 (Vắng mặt ngày 19 có mặt ngày 22)

Cùng địa chỉ: TDP L, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nay là TDP L, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

- Ngân hàng N chi nhánh P1, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Khổng Quang H2 – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh P1, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lý Duy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L đăng ký kết hôn ngày 15/4/2005, tại UBND thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là UBND xã P, tỉnh Thái Nguyên). Trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu nhau rồi mới quyết định tiến tới hôn nhân. Việc kết hôn tự nguyện không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đến nay không còn có tiếng nói chung và không thể nói chuyện với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Anh xác định không còn tình cảm gì với chị L nên xin được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có ba con chung là Lý Thị Thu H3, sinh ngày 10/10/2006, Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017 và Lý Duy M, sinh ngày 23/2/2010. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Lý Duy Q, sinh năm 2017 và Lý Duy M, sinh năm 2010 không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lý Thị Thu H3 đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị L về việc chia tài sản chung, nợ chung, anh xác định:

Tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2017 trên thửa đất số 257 tờ bản đồ số 5 xã P (đất là tài sản riêng của anh H), 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2006 trên thửa đất số 286 tờ bản đồ số 5 xã P (đất là tài sản riêng của anh H), 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 20F3-3351 đăng ký tên Lý Duy H. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

Nợ chung: Nợ Ngân hàng N chi nhánh P1, tỉnh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 8503LAV202302586 ngày 19/10/2023 đứng tên Lý Duy H, dư nợ gốc đến nay còn 550.000.000 đồng, mục đích vay chi phí vốn lưu động kinh doanh mua bán hóa mỹ phẩm, thức ăn chăn nuôi. Tại phiên tòa ngày 19/8/2025 anh đề nghị được sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, trả nợ toàn bộ nợ chung và thanh toán cho chị L số tiền 100.000.000đ đồng thời giao cho chị L sở hữu chiếc xe mô tô BKS 20F3-3351. Tại phiên tòa ngày 22/8/2025 anh H không nhất trí thanh toán cho chị L 100.000.000đ và giao xe mô tô BKS 20F3-3351 cho chị L nữa mà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Duy H đăng ký kết hôn ngày 15/4/2005, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là UBND xã P, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu, chung sống cùng

gia đình chồng tại TDP Lê Hồng P, thị trấn Đ, huyện P(nay là TDP L, xã P), tỉnh Thái Nguyên. Cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không hạnh phúc do anh H có quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nên đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Chị xác định đã hết tình cảm vợ chồng với anh H nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có ba con chung là Lý Thị Thu H3, sinh ngày 10/10/2006, Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017 và Lý Duy M, sinh ngày 23/2/2010. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi 02 con chung là Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017 và Lý Duy M, sinh ngày 23/2/2010. Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng/01 con. Cháu Lý Thị Thu H3, sinh ngày 10/10/2006 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Chị có yêu cầu phân tố chia tài sản chung nợ chung của vợ chồng. Chị xác định:

Tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2017 trên thửa đất số 257 tờ bản đồ số 5 xã P; 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2006 trên thửa đất số 286 tờ bản đồ số 5 xã P, 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại ô tô tải có mui biên kiểm soát 20C-274.55 mang tên Lý Duy H; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, biên kiểm soát 20F3-3351 đăng ký tên Lý Duy H. Chị đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, vợ chồng còn có một số tài sản chung khác như bàn ghế, cây cảnh, 01 chiếc xe máy Honda Wave BKS 20L7-0799 chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Nợ chung: Nợ Ngân hàng N chi nhánh P1, tỉnh Thái Nguyên dư nợ gốc còn 550.000.000 đồng đứng tên Lý Duy H, vay tháng 10 năm 2023 mục đích vay chi phí vốn lưu động kinh doanh mua bán hóa mỹ phẩm, thức ăn chăn nuôi. Chị cũng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phiên tòa ngày 19/8/2025 về tài sản chung, nợ chung chị nhất trí giao toàn bộ tài sản chung, nợ chung cho anh H và yêu cầu anh H thanh toán cho chị 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) và được sử dụng chiếc xe mô tô BKS 20F3-3351. Phiên tòa ngày 22/8/2025 chị nhất trí nhận 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và xe mô tô BKS 20F3-3351.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ông Lý Duy B và bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh H. Ông bà xác định năm 2017, khi anh H và chị L xây nhà (căn nhà cấp 4 xây năm 2017 trên thửa đất số 257 tờ bản đồ số 5 xã P), ông bà có bỏ ra 200 triệu đồng để góp tiền xây nhà cùng anh H, chị L (bao gồm 150 triệu đồng tiền mặt ông bà đưa trực tiếp cho anh H và 50 triệu đồng ông B trực tiếp chi trả chi phí lắp đặt thiết bị điện nước).

Ngoài ra, trước đây ông bà có 01 chiếc xe máy nhưng sau đó đã đồng ý để anh H bán đi được 31.000.000 đồng. Số tiền trên anh H sử dụng để mua chiếc xe mô tô HONDA, biển kiểm soát 20F3-3351. Hiện được xác định là tài sản chung của anh H, chị L. Ông bà đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp của ông bà vào tài sản này.

Nay anh H, chị L làm thủ tục giải quyết ly hôn, ông bà đề nghị giải quyết quyền lợi của ông bà đối với số tiền ông bà đã bỏ ra để đóng góp vào tài sản chung của anh H, chị L. Tại phiên tòa ông B, bà H1 nhất trí xác định tài sản còn lại là 50.000.000đ. Tuy nhiên, ông bà không đề nghị nhận lại tiền đối với phần đã đóng góp mà đề nghị tính vào giá trị tài sản của anh H được chia theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Ngân hàng N chi nhánh P1, tỉnh Thái Nguyên trong bản tự khai và tại phiên tòa trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 8503LAV202302586 ngày 19/10/2023, tổng số dư nợ gốc của anh Lý Duy H và chị Phạm Thị L còn nợ tính đến ngày 19/8/2025 là 598.955.924đ (trong đó tiền gốc là 550.000.000đ và nợ lãi là 48.955.924đ có bảng kê chi tiết kèm theo). Nay anh H và chị L ly hôn, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Đề nghị anh H và chị L thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp có tranh chấp liên quan đến hợp đồng tín dụng, Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Trường hợp Tòa án giao tài sản của vợ chồng đang thế chấp Ngân hàng cho ai thì đề nghị giao cho người đó có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung và phương án giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Lý Duy H và chị Phạm Thị L được ly hôn.

+ Về con chung: Giao con chung là Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017 và Lý Duy M, sinh ngày 23/2/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Lý Thị Thu H3, sinh ngày 10/10/2006 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017 cùng chị L là 3.000.000đ/ tháng, kể từ ngày 01/9/2025 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Tòa án xác định 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2017 trên thửa đất số 257 tờ bản đồ số 5 xã P (đất mang tên Lý Duy H); 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên thửa đất 286 (đất mang tên Lý Duy H); 01 chiếc xe

máy nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 20F3-3351 đăng ký tên Lý Duy H; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại ô tô tải có mui biển kiểm soát 20C-274.55 mang tên Lý Duy H là tài sản chung vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Giao các tài sản chung cho anh H sở hữu, sử dụng. Anh H có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho chị L theo quy định của pháp luật.

Về khoản nợ chung: Đề nghị HĐXX giao anh H có trách nhiệm tiếp tục trả khoản nợ tại ngân hàng N chi nhánh P1, tỉnh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 8503LAV202302586 ngày 19/10/2023.

Buộc anh H phải trích chia cho chị L khoản tiền là công duy trì tôn tạo đất mang tên anh H.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]: Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung giữa nguyên đơn là anh Lý Duy H và bị đơn là chị Phạm Thị L (chị L có nơi cư trú tại TDP L, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, nay là TDP L, xã P, tỉnh Thái Nguyên). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

- Đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị L, Thẩm phán thụ lý yêu cầu phản tố là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Đây xác định là 01 yêu cầu của đương sự và được giải quyết trong vụ án.

[2]: Về nội dung:

[2.1]: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lý Duy H thấy:

Anh Lý Duy H và chị Phạm Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi vã, đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Gia đình hai bên đã nhiều lần động viên hoà giải, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kiên trì tiến hành hoà giải để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành. Hội đồng xét xử đánh giá thấy có cơ sở xác định cuộc hôn nhân giữa anh H và chị L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho anh H ly hôn chị L.

[2.2]: Về con chung: Anh H và chị L có ba con chung là Lý Thị Thu H3, sinh ngày 10/10/2006, và Lý Duy M, sinh ngày 23/2/2010 và Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017. Khi ly hôn, anh H và chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lý Duy M, sinh ngày 23/2/2010 và Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017. Cháu Lý Thị Thu H3 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc giao con. Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/ tháng/01 con cho hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Q và cháu M đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị L cũng cam kết đảm bảo chỗ ở cho các con chung và chăm sóc tốt cho các con, chị L trình bày có chỗ ở và thu nhập ổn định (xuất trình hợp đồng thuê nhà và giấy phép kinh doanh). Để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung, không tách rời các con chung để đảm bảo ổn định tâm lý và tình cảm của con chung. Cho nên, mặc dù anh H có nhà, đất nhưng công việc của anh H thường xuyên vắng nhà, không thuận tiện cho việc chăm sóc các con chung. Do vậy, cần giao con chung là Lý Duy M, sinh ngày 23/2/2010 và Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng/01 con. Tuy nhiên anh H không đồng ý vì cho rằng thu nhập hiện nay của anh không ổn định, anh hiện còn trách nhiệm nuôi cha mẹ già. Hội đồng xét xử thấy rằng, trách nhiệm của cha mẹ là phải nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H không trực tiếp nuôi con thì phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con cùng chị L. Chị L là người trực tiếp nuôi con nhưng cũng phải có trách nhiệm chi phí nuôi con, do vậy cần buộc anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị L 01 con chung là cháu Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

- Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng/01 con, xét thấy mức cấp dưỡng là phù hợp nên cần chấp nhận.

[2.3]: Về yêu cầu chia tài sản chung:

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh H, chị L xác định vợ chồng đang quản lý tài sản như sau:

+ 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2017 trên thửa đất số 257 tờ bản đồ số 5 xã P (đất mang tên Lý Duy H).

+ 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên thửa đất 286 tờ bản đồ số 5 xã P (đất mang tên Lý Duy H).

+ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 20F3-3351 đăng ký tên Lý Duy H.

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, loại ô tô tải có mui biển kiểm soát 20C-274.55 mang tên Lý Duy H.

- Còn 01 số tài sản như điều hòa, tủ lạnh, máy giặt, xe máy Wave BKS 20L7-0799 tại phiên tòa ngày 22/8/2025 chị L mới yêu cầu giải quyết, qua việc giải thích chị L nhất trí không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có yêu cầu sẽ đề nghị giải quyết sau.

[2.4]: Anh H cho rằng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, loại ô tô tải có mui BKS 20C-274.55 mang tên Lý Duy H là tài sản mua chung với em gái anh trong thời kỳ anh và chị L sống ly thân nhưng chỉ thỏa thuận bằng miệng không có tài liệu gì chứng minh, chị L không nhất trí do vậy không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh H, xác định đây là tài sản chung của anh H, chị L trong thời kỳ hôn nhân.

[2.5]: Đối với ý kiến chị L cho rằng 02 thửa đất 257 và thửa 286 tờ bản đồ số 5 xã P (đất mang tên Lý Duy H) mặc dù anh H được tặng cho riêng, nhưng anh H đã dùng 02 thửa đất này đi thế chấp Ngân hàng để vợ chồng vay tiền, như vậy là mặc nhiên anh H đã nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung của vợ chồng nên chị xác định 02 thửa đất trên là tài sản chung. Anh H xác định không nhập 02 thửa đất trên vào tài sản chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong hồ sơ vụ án tài liệu chứng cứ thể hiện 02 thửa đất trên là ông B, bà H1 tặng cho riêng anh H. Bản thân chị L cũng xác định ông B, bà H1 cho riêng anh H chứ không cho chung vợ chồng chị. Anh H và chị L cũng không có văn bản nào về việc nhập tài sản riêng của anh H vào tài sản chung vợ chồng. Việc anh H dùng tài sản riêng của mình thế chấp ngân hàng vay vốn không phải là căn cứ xác định nhập tài sản riêng vào tài sản chung. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của chị L.

[2.6]: Xác định tài sản chung của anh H, chị L yêu cầu giải quyết gồm những tài sản có giá trị cụ thể như sau:

- 01 ngôi nhà cấp xây năm 2006 giá trị còn lại là 11.765.466đ; 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2017 giá trị còn lại là 409.354.033đ; 01 xe ô tô tải có mui BKS 20C-274.55 sản xuất năm 2017 giá trị còn lại là 194.640.000đ; 01 xe mô tô BKS 20F3-3351 sản xuất năm 1998 giá trị còn lại là 3.380.000đ. Tổng giá trị tài sản chung là: **619.112.518đ** (*sáu trăm mười chín triệu, một trăm mười hai nghìn, năm trăm mười tám đồng*)

[2.7]: Về nợ chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh H, chị L đều xác định vợ chồng còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh P1 số tiền gốc là 550.000.000đ. Ngoài ra không còn nợ bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác. Ông B, bà H1 xác định có góp 200.000.000đ tiền cho anh H chị L xây nhà, tuy nhiên ông bà cùng ở trên ngôi nhà đó, nhà đã trừ khấu hao nay ông bà cùng anh H, chị L thống nhất xác định số tiền ông bà đã góp còn lại là 50.000.000đ. Ông B đề nghị cho vào phần

của anh H. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng N chi nhánh P1 cung cấp bảng tính đến ngày 19/8/2025 anh H chị L còn nợ ngân hàng gốc và lãi là 598.955.924đ (trong đó tiền gốc là 550.000.000đ và nợ lãi là 48.955.924đ có bảng kê chi tiết kèm theo). Như vậy, tổng số nợ chung của anh H chị L là **648.955.924đ** (*sáu trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng*).

[3] Theo quy định của pháp luật thì tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung hợp nhất, tài sản chung được chia đôi khi ly hôn. Công sức của anh H chị L trong việc tạo lập khối tài sản chung là ngang nhau. Tài sản chung của anh H chị L có giá trị là **619.112.518đ/2**, mỗi người được hưởng là 309.556.259đ. Do tài sản là nhà được xây dựng trên đất là tài sản riêng của anh H; Chiếc xe ô tô BKS 20C-274.55 đăng ký tên anh Lý Duy H, anh H đang kinh doanh vận tải, chị L cũng không có giấy phép lái xe ô tô, nên cần giao nhà và xe ô tô cho anh H quản lý sử dụng và có trách nhiệm chích chia chênh lệch cho chị L. Thế nhưng anh H và chị L còn có khoản nợ là **648.955.924đ**, do vậy sau khi đối trừ khoản nợ thì còn thiếu 29.843.406đ. Do giao nhà và xe ô tô cho anh H nên anh H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ của Ngân hàng và số tiền của ông B bà H1. Chị L phải cùng trả nợ số tiền còn thiếu là $29.843.406đ/2 = 14.921.703đ$.

[4]. Đối với công duy trì tôn tạo 02 thửa đất 257 và thửa 286 tờ bản đồ số 5 xã P (đất mang tên Lý Duy H) của chị Phạm Thị L thì thấy rằng: Năm 2005 sau khi chị L kết hôn với anh H thì vợ chồng về chung sống trên 02 thửa đất trên, từ đó đến nay đã 20 năm, nay ly hôn cần buộc anh H trích chia cho chị L một khoản tiền công duy trì tôn tạo hai thửa đất trên là 114.921.703đ, mới đảm bảo quyền lợi cho chị L sau ly hôn. Tuy nhiên chị L còn phải trả anh H 01 khoản tiền còn thiếu để trả khoản nợ chung là 14.921.703đ. Anh H còn phải thanh toán cho chị L số tiền 100.000.000đ. (*Một trăm triệu đồng chẵn*).

[5]. Về việc lưu cư thì chị L trình bày chị đã có nơi ở ổn định nên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[6]. Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản là 4.000.000 đồng, chị L đã nộp tạm ứng, cần buộc anh H có trách nhiệm thanh toán cho chị L 50% số tiền trên là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

[7]. Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng; Chị L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 5, 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều , 33, 38, 43, 51, 55, 59, 56, 57, 58, 61, 62, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quy ết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lý Duy H được ly hôn chị Phạm Thị L.
2. Về con chung: Giao con chung Lý Duy M, sinh ngày 23/2/2010 và Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Cháu Lý Thị Thu H3 đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh H có quyền và có nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Lý Duy H phải cấp dưỡng nuôi con chung Lý Duy Q, sinh ngày 04/6/2017 với chị Phạm Thị L là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/1 tháng kể từ ngày 01/9/2025 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết anh H và chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Giao cho anh H được sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2017 xây trên thửa đất 257 tờ bản đồ số 5 xã P; 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2006 trên thửa đất 286 tờ bản đồ số 5 xã P (Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lý Duy H); 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại ô tô tải có mui BKS 20C-274.55 mang tên Lý Duy H; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại SUPPER, màu sơn nâu, BKS 20F3-3351 đăng ký tên Lý Duy H. Tổng giá trị tài sản là **619.112.518đ**.

- Về nợ chung: Anh Lý Duy H có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo Theo hợp đồng tín dụng số 8503LAV202302586 ngày 19/10/2023 giữa Ngân hàng N1 Chi Nhánh P1 và anh Lý Duy H, chị Phạm Thị L.

4. Buộc anh Lý Duy H phải thanh toán cho chị Phạm Thị L tiền công duy trì tôn tạo 02 thửa đất số tiền là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*).

5. Về chi phí tố tụng: Anh H phải thanh toán cho chị L số tiền 2.000.000 đồng tiền thẩm định, định giá.

Tổng số tiền là 102.000.000đ (*một trăm linh hai triệu đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án (chị L) có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (anh H) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Án phí sơ thẩm:

- Anh Lý Duy H phải nộp 15.477.813đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách Nhà nước. Tổng là 16.077.813đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0004693 ngày 08/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Thái Nguyên). Anh H còn phải tiếp tục nộp số tiền 15.777.813đ (*Mười lăm triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm mười ba đồng*).

- Chị Phạm Thị L phải nộp 20.382.250đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào Ngân sách Nhà nước, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0004819 ngày 03/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Thái Nguyên). Chị L còn phải tiếp tục nộp số tiền 20.082.250đ (*hai mươi triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi đồng*).

Án xét xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4–Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Phú Lương;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Lý

